



NGOẠI GIAO DẦU MỎ CỦA BẮC KINH

Nguồn: Jaffe, Amy Myers and Lewis, Steven W. (2002) “Beijing’s oil diplomacy”, *Survival*, 44:1, 115 – 134 PDF

Biên dịch: Nguyễn Vĩnh Hằng | **Hiệu đính:** Lê Hồng Hiệp

Việc Trung Quốc lặng lẽ trở thành một nước nhập khẩu dầu thô vào năm 1993 đã đánh dấu sự chuyển hướng mạnh mẽ sau “cuộc thử nghiệm” tự cung tự cấp kéo dài ba thập kỉ của Đảng Cộng sản Trung Quốc, đồng thời mở ra khả năng một ngày nào đó Trung Quốc có thể trở nên dễ bị ảnh hưởng như các nước công nghiệp khác trước những biến cố không mong muốn tác động tới thị trường dầu mỏ toàn cầu. Những tác động của thay đổi này lên quá trình hoạch định chính sách đối ngoại Trung Quốc vẫn đang diễn ra. Nhưng có một điều chắc chắn là những lo ngại về an ninh dầu mỏ đang ngày càng ảnh hưởng mạnh mẽ lên những tính toán chiến lược và ngoại giao của Trung Quốc. Một cường quốc bậc hai thế giới, với mối quan tâm đối ngoại (ngoài vấn đề hạt nhân) chủ yếu là bảo vệ biên giới lãnh thổ, đang trở thành chủ thể toàn cầu với những lợi ích mở rộng qua Âu Á sang Trung Đông và cả Bắc và Tây Phi. Nỗ lực tìm kiếm nguồn cung cấp dầu mỏ đã đưa Bắc Kinh tiến xa đến tận các nước Mỹ Latinh. Nó cũng đang tác động đến thái độ của Trung Quốc đối với các chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ.

Xét theo lô-gíc, việc là một nước nhập khẩu dầu thô có thể đưa những lợi ích của Trung Quốc gần hơn với những lợi ích của các nước phương Tây lệ thuộc vào dầu mỏ. Năm 1990, Trung Quốc đã bỏ phiếu trắng khi Hoa Kỳ huy động quân đội liên minh quốc tế đưa quân Iraq ra khỏi Kuwait. Do đó, một cuộc khủng hoảng trong tương lai, sau khi Trung Quốc trở thành một nước nhập khẩu lớn, có thể sẽ khiến Trung Quốc đứng trên lập trường ủng hộ hơn trước những sự kiện tương tự.

Nhưng sự thay đổi trong những lợi ích và định hướng của Trung Quốc cũng đặt ra những thử thách cho phương Tây: dưới tác động này, các nước công nghiệp tiêu thụ dầu mỏ của Hoa Kỳ, Châu Âu và Đông Bắc Á phải thuyết phục một Trung Quốc tham vọng, khát năng lượng rằng mức cung an toàn cho tất cả đòi hỏi một chính sách đối ngoại hợp tác. Tuy nhiên cho đến nay thật không may, Trung Quốc lại đang thực hiện một đường lối khác biệt.

Đó là tìm kiếm an ninh năng lượng thông qua theo đuổi các tiếp cận song phương, đạt được mối quan hệ với những nước xuất khẩu dầu lớn như Saudi Arabia, Iraq, Iran và Sudan. Ý nghĩa của những động thái này đang gây ra nhiều quan ngại. Một khi thị trường dầu mỏ vẫn đang khan hiếm như trong hai năm gần đây, các thỏa thuận song phương có thể gợi ra nhu cầu thỏa hiệp về chính trị để đổi lấy một nguồn cung ổn định. Tệ nhất là những thỏa hiệp về chính trị đó có thể là việc trao đổi công nghệ liên quan đến vũ khí hủy diệt hàng loạt giữa Trung Quốc với những thị trường nhạy cảm về chính trị này.

Trung Quốc không phải là nạn nhân tiềm năng duy nhất của tình trạng bị uy hiếp vì nhu cầu dầu mỏ. Hoa Kỳ, Châu Âu và Nhật Bản đã từng phải đối mặt với vấn đề tương tự, đặc biệt trong những năm thập niên 70, và đã thỏa thuận với các nước này để đạt được mức độ thành công thay đổi theo từng năm. Các nước sản xuất dầu đã yêu cầu chuyển vũ khí từ các nước phương Tây, và vài nước đã sẵn sàng giúp đỡ. Tuy nhiên, liên minh các nước tiêu thụ dầu mỏ phương Tây đã ngăn chặn, tới một mức độ nào đó, tác động quá đáng của các nước sản xuất dầu chống lại các quốc gia đơn lẻ. Cụ thể, các liên minh đa quốc gia đã làm giảm bớt sức mạnh độc quyền của Tổ chức các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) trên thị trường thế giới, làm giảm nguy cơ của một cuộc khủng hoảng kiểu năm 1973. Sự hợp tác của phương Tây về an ninh năng lượng được hỗ trợ bởi liên minh chính thức của Tổ chức Năng lượng Thế giới (IEA), giúp chống lại các đòi hỏi về chính trị của các nước sản xuất dầu bằng cách đe dọa bán ra đồng loạt cổ phiếu của các nước tiêu thụ dầu, để đáp trả bất cứ sự kìm giữ sản lượng dầu nào nhằm mục đích chính trị của OPEC hay của các nhà sản xuất dầu lớn khác. Công cụ chính sách này đã giúp giữ cho chính sách đối ngoại của phương Tây không bị gán chặt, phụ thuộc quá nhiều vào nhu cầu dầu mỏ. Cuộc chiến chống khủng bố chỉ là một ví dụ cho thấy sự tách biệt này là quan trọng. Nếu Trung Quốc từ chối tham gia câu lạc bộ các quốc gia tiêu thụ dầu mỏ trên thế giới, cái giá phải trả có thể rất đắt. Chính sách đối ngoại dầu mỏ song phương của Trung Quốc hiện nay có thể dẫn đến những phản ứng chính sách cản trở những sáng kiến đa quốc gia hiệu quả trong khu vực như việc giải quyết xung đột hay chính sách thương mại, hoặc cản trở những nỗ lực của phương Tây trong việc ngăn chặn sự phổ biến của các công nghệ quân sự nhạy cảm, cũng như việc tích trữ vũ khí truyền thống ở các vùng sản xuất dầu vốn đang bị chia rẽ sâu sắc.

Bắc Kinh đã có minh chứng về những lợi ích của việc chống lại những chính sách cấm vận của Hoa Kỳ. Ngành công nghiệp dầu mỏ của Trung Quốc đang thu được những mối lợi ở Sudan, đánh dấu sự xuất hiện của mình ở Iraq và Iran, cũng như đang đàm phán với Lybia. Trung Quốc cũng đang tiếp cận với các nước sản xuất dầu tiềm năng có sản lượng không ổn định ở Bắc và Tây Phi. Chính sách đối ngoại về dầu mỏ của Bắc Kinh cũng bao gồm việc thắt chặt hơn quan hệ với Ả-rập Xê-út, coi Trung Quốc là một thị trường thay thế tiềm năng cho thị trường Hoa Kỳ và Nhật Bản. Một khi Trung Quốc phát triển các mối quan hệ song phương này và phụ thuộc nhiều hơn vào nguồn dầu mỏ nước ngoài, Bắc Kinh sẽ trở nên nhạy cảm hơn với áp lực từ các nhà sản xuất năng lượng, bao gồm cả những nước đang tìm kiếm công nghệ quân sự chiến lược. Ít nhất chính phủ của một vài nước sản xuất dầu sẽ mua những vũ khí hạng nhẹ dùng cho các cuộc nội chiến và xung đột địa phương.

Áp lực về chính trị có thể khiến Trung Quốc ủng hộ lập trường của các nước sản xuất dầu mỏ tại các diễn đàn như Liên Hiệp Quốc. Điều này có thể đặt ra những thách thức cho phương Tây trong hàng loạt các vấn đề, trong đó lớn nhất là sự phản đối của Trung Quốc và Nga đối với những lệnh cấm vận của Liên Hiệp Quốc, cũng như phản đối những cuộc tấn công quân sự nhằm vào Iraq. Những động thái này đã cản trở việc thực thi các chính sách hiệu quả chống lại Baghdad trong quá khứ.

Trung Quốc chưa thực sự được xem là một thành viên trong liên minh đa phương với các nước tiêu thụ dầu khác. Phương Tây có thể phải chịu trách nhiệm một phần vì đã không tạo điều kiện đủ sức thuyết phục để thiết lập liên minh, hoặc đã không đưa ra những hỗ trợ trong lĩnh vực năng lượng, như tìm cách đưa Trung Quốc vào hệ thống dự trữ của IEA, hay thực hiện những nỗ lực chuyển giao công nghệ năng lượng mới, sạch hơn cho ngành công nghiệp Trung Quốc. Riêng đối với Hoa Kỳ, hợp tác năng lượng có thể là chìa khóa cho việc xây dựng một mối quan hệ tích cực với Trung Quốc. Nó có thể làm cho con đường tiến tới chương trình không phổ biến vũ khí Trung-Mỹ hiệu quả trở nên bằng phẳng hơn, cũng như giúp Trung Quốc ghi nhớ tầm quan trọng của các vấn đề về môi trường.

Tình thế tiến thoái lưỡng nan về năng lượng của Trung Quốc

Trong suốt những năm 1970 và 1980, Trung Quốc giữ thái độ trung lập xa xỉ đối với những sự kiện chấn động trên thị trường dầu mỏ thế giới. Giá dầu nội địa ở Trung Quốc được ấn định bởi các nhà hoạch định chính sách của chính quyền trung ương và không chịu ảnh hưởng của giá cả thế giới bên ngoài. Nguồn cung nội địa vừa đủ đáp ứng mức cầu nội địa. Với nền kinh tế tránh được những thay đổi thất thường của giá dầu toàn cầu, các nhà lãnh đạo Trung Quốc không cần phải quan tâm đến những cuộc xung đột ở Trung Đông hay những vùng sản xuất dầu mỏ khác. Mặc dù việc xuất khẩu dầu mỏ với số lượng khiêm tốn đã đem về cho Trung Quốc một lượng nhỏ ngoại tệ để phục vụ các chương trình hiện đại hóa công nghiệp và quân sự của họ trong những năm giữa thập niên 1970, sự trỗi dậy của thị trường năng lượng về căn bản không tạo ra lợi ích hay thiệt hại gì cho Trung Quốc.

Ngược lại, nền kinh tế Mỹ, với tư cách là nước tiêu thụ và nhập khẩu dầu mỏ lớn, lại nhạy cảm với những chuyển biến đột ngột trên thị trường dầu mỏ thế giới. Chính sự nhạy cảm này khiến cho chính sách đối ngoại của Mỹ phải xúc tiến những nguồn cung ổn định và đáng tin cậy. (Lợi ích của Liên Xô lại hoàn toàn ở phía ngược lại: Nền kinh tế Liên Xô chủ yếu dựa vào xuất khẩu dầu và khí đốt và thu về ngoại tệ mạnh, kiếm lợi nhuận từ việc nâng giá dầu.)

Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển kinh tế đáng kinh ngạc, nhu cầu về dầu mỏ ở Trung Quốc đã tăng nhanh hơn sản lượng dầu sản xuất trong nước. Trong thập niên vừa qua, lượng tiêu thụ dầu tăng từ 2,1 triệu thùng/ngày năm 1990 lên 3,5 triệu thùng/ngày năm 1997 và hiện nay vào khoảng 4,6 triệu thùng/ngày.¹ Trung Quốc hiện xếp thứ 3 trên thế giới về sử dụng sản phẩm từ dầu mỏ, sau Mỹ và Nhật.

Bảng 1: Số lượng ước tính lượng cầu về dầu mỏ của Trung Quốc

(Tỉ thùng/ ngày)	2000	2005	2010	2015	2020
Baker Institute	-	-	6.2	7.4	8.8
IEA	-	-	7.1	-	10.1
APERC	4.3	5.5	6.8	-	-
SDPC	4.0	-	5.7	6.8	-
PRC State Council	4.0	-	5.2	-	6.4
SETC	-	4.9	-	-	-

Nguồn Số liệu về Baker Institute từ Kenneth B. Medlock III and Ronald Soligo, 'The Composition and Growth in Energy Demand in China', (Houston: Baker Institute, 1999), available at <http://www.bakerinstitute.org>; International Energy Agency (IEA) from IEA, *China's Worldwide Quest for Energy Security*, (Paris: OECD, 2000); Asia Pacific Economic Research Center (APERC) from APERC, 'APEC Energy Demand and Supply Outlook: Updated September 1998', (Tokyo: APERC, 1998); State Development Planning Commission (SDPC) from Shixian Gao, 'China', in Paul B. Stares (ed.), *Rethinking Energy Security in East Asia* (Tokyo: Japan Center for International Exchange, 2000), pp. 43–58; PRC State Council, *China Energy Strategy Study (2000–2050)*, Beijing, (in Chinese), cited in IEA (above), p. 47; State Economic and Trade Commission (SETC) from SETC, 'Tenth Five Year Plan for Developing the Petroleum Industry' (Beijing: SETC) available at <http://www.setc.gov.cn>.

Sự tăng trưởng này đã biến Trung Quốc thành nước nhập khẩu dầu lớn. Trong sáu tháng đầu năm 2001, lượng dầu thô nhập khẩu ở mức 1,29 triệu thùng/ngày, giảm nhẹ so với mức 1,41 triệu thùng/ngày trong năm 2000. Lượng nhập khẩu các sản phẩm dầu thành phẩm trong những năm gần đây đạt trung bình 400.000 thùng/ngày, không bao gồm lượng 70.000-100.000 thùng/ngày khí thiên nhiên, xăng và các sản phẩm từ dầu khác do buôn lậu. Những con số này được dự đoán sẽ tăng lên hơn gấp đôi trong 15 năm tới khi cầu nội địa của Trung Quốc tăng lên – nhất là ở các tỉnh ven biển phía Nam và Đông Trung Quốc nơi kinh tế tăng trưởng đầy sức sống nhưng lại nghèo về năng lượng – và sản lượng dầu sản xuất trong nước không thể theo kịp.² Căn cứ vào tốc độ tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc, lượng dầu tiêu thụ của nước này dự kiến sẽ tăng từ 750.000 thùng/ngày đến 3 triệu thùng/ngày, nâng tổng lượng tiêu thụ lên mức từ 5,4 triệu thùng/ngày đến 7,6 triệu thùng/ngày vào năm 2010. Đến năm 2020, nếu tăng trưởng mạnh về kinh tế tiếp tục, lượng cầu về dầu mỏ của Trung Quốc sẽ ở mức cao 7-12 triệu thùng/ngày.³ Nếu sản lượng dầu của Trung Quốc tiếp tục trì trệ so với lượng cầu, như trong vài năm gần đây, lượng nhập khẩu dầu của Trung Quốc sẽ tăng lên mức 2-4 triệu thùng/ngày trong 10 năm tới. Nếu lượng dầu sử dụng trong lĩnh vực vận tải từ mức 60-90% tổng lượng dầu hiện nay tăng lên, như những gì thường xảy ra ở các nước công nghiệp hóa, lượng cầu về dầu của Trung Quốc vào năm 2010 có thể lên đến 6,3-8,1 triệu thùng/ngày, tùy thuộc vào tốc độ tăng trưởng GDP, từ 11,4-17,9 triệu thùng/ngày vào năm 2020.⁴

Bảng 2: Ước tính lượng dầu nhập khẩu của Trung Quốc

(Tỉ thùng/ ngày)	2000	2005	2010	2015	2020
Baker Institute	-	-	3.0	-	5.4
IEA	-	-	4.0	-	8.0
APERC	0.9	1.9	2.9	-	-
SDPC	0.7	-	1.9	2.7	-
PRC State Council	0.9	-	1.7	-	1.8
PRC Industry	0.7	-	1.3	-	2.6
SETC	1.2	1.7	-	-	-

Nguồn Số liệu về Baker Institute từ Soligo and Jaffe, 'China's Growing Energy Dependence: The Costs and Policy Implications of Supply Alternatives', working paper (Houston: Baker Institute for Public Policy, Rice University, April 1999), available online at <http://www.bakerinstitute.org>; IEA, *China's Worldwide Quest for Energy Security*, (Paris: OECD, 2000); APERC, 'APEC Energy Demand and Supply Outlook: Updated September 1998', (Tokyo: APERC, 1998); State Development Planning Commission (SDPC) from Shixian Gao, 'China', in Paul B. Stares (ed.), *Rethinking Energy Security in East Asia* (Tokyo: Japan Center for International Exchange, 2000), pp. 43–58; PRC State Council, *China Energy Strategy Study (2000–2050)*, Beijing, (in Chinese), cited in IEA (above); PRC Industry from *China Oil, Gas and Petrochemicals Newsletter*, vol. 7, no. 24, 15 December 1999, p. 1., cited in IEA, p. 47; SETC, 'Tenth Five Year Plan for Developing the Petroleum Industry' (Beijing: SETC) available at <http://www.setc.gov.cn>.

Bảng 2 cho thấy lượng cầu nhập khẩu dầu ước tính của Trung Quốc trong những viễn cảnh tăng trưởng khác nhau. Các chuyên gia nước ngoài nhìn chung dự đoán rằng Trung Quốc sẽ nhập khẩu 3-4 triệu thùng/ngày vào năm 2010 và 5-8 triệu thùng/ngày vào năm 2020. Mặc dù những báo cáo công khai gần đây gợi ý rằng lượng dầu nhập khẩu đang tiến gần tới những dự báo nước ngoài, trong những năm gần đây các cơ quan chính phủ Trung Quốc và các nguồn công nghiệp dự đoán Trung Quốc sẽ nhập khẩu 1.3-1.9 triệu thùng/ngày năm 2010 và khoảng 2-3 triệu thùng/ngày năm 2020.

Có thể thấy trong bảng 3, Trung Quốc đã đáp ứng nhu cầu nhập khẩu dầu tăng nhanh chóng những năm gần đây bằng cách chuyển từ các nguồn ở Châu Á sang một số nước Trung Đông – nhất là Oman, Yemen và Iran – và đang tăng cường ở Châu Phi, Nga và Trung Á.

Bảng 3: Nhập khẩu dầu thô của Trung Quốc từ 1 số nước Trung Đông và 1 số vùng, 1992–1999 (Nghìn thùng / ngày)

	1992	1993	1994	1995	1996	1997	1998	1999
Oman	61.2	81.6	67.2	73.0	113.0	180.6	115.8	100.4
Yemen	8.6	33.0	25.0	49.4	75.2	81.0	80.8	82.6
Iran	2.2	1.3	1.3	18.6	46.2	55.0	72.4	79.0
UAE	4.6	11.4	1.3	7.2	n/a	0.9	10.2	nil
Saudi Arabia	3.6	4.2	2.8	6.6	4.6	9.8	36.0	49.8
Mid-East Total	80.6	131.8	98.0	155.2	239.2	335.6	333.2	348.2
Mid-East (%)	36%	42%	40%	45%	53%	47%	61%	48%
Africa Total	10.0	42.6	10.0	36.8	38.6	118.2	43.8	134.8

Africa %	4%	14%	4%	11%	9%	17%	8%	18%
Asia-Pacific Total	134.2	130.6	136.8	141.6	164.4	188.2	109.4	136.4
Asia-Pacific %	59%	42%	55%	41%	36%	27%	20%	19%
Other	2.2	8.2	1.8	8.0	10.2	67.4	60.0	112.8
Other %	1%	3%	1%	2%	2%	10%	11%	15%
Tổng	227.2	313.4	247.0	341.8	452.4	709.4	546.4	732.2
Nguồn Lấy từ những dữ liệu của Trung Quốc sử dụng trong Xiaojie Xu, 'China and the Middle East: Cross Investment in the Energy Sector', <i>Middle East Policy</i> , vol. vii, no. 3, June 2000, và được quy đổi thành 7,3 thùng /tấn.								

Sản xuất dầu trong nước

Sản lượng khai thác trong lục địa Trung Quốc bị chi phối bởi hai tổ hợp dầu khí quốc gia bán tư nhân khổng lồ, Công ty Dầu Quốc gia Trung Quốc (CNPC) và Sinopec. Hoạt động khai thác gần bờ của các công ty dầu hỏa phương Tây ở Trung Quốc đã bị giới hạn chủ yếu ở các mỏ dầu nhỏ hơn và thực hiện các thăm dò điều chỉnh. Trong số các công ty đầu tư tại các mỏ dầu của Trung Quốc có Exxon, Texaco, Agip, BP, Shell, và một số công ty Indonesia và Nhật Bản. Trung Quốc đã đặt hi vọng vào việc phát triển các mỏ dầu phía tây lòng chảo Tarim, nhưng giá dầu thấp và môi trường không ổn định cho đầu tư nước ngoài đã làm chậm sự phát triển của khu vực này. PetroChina, công ty con quốc tế của CNPC, đã đưa ra bán một giấy phép khu vực gồm 15 lô dầu mỏ và khí thiên nhiên ở Đông Bắc lòng chảo Vịnh Bohai của Trung Quốc vào tháng 9 năm 2000, nhưng đến nay vẫn chưa có hợp đồng thương mại nào được kí. PetroChina cũng dự định đưa ra bán những lô mới ở lòng chảo Erdos ở tây bắc Trung Quốc vào cuối năm 2001.

Sản lượng dầu ngoài khơi tăng từ 300.000 thùng/ngày vào cuối thập niên 1990 lên mức 410.000 thùng/ngày vào giữa năm 2001. Một công ty sản xuất và thăm dò dầu khí bán tư nhân, Công ty Dầu Ngoài khơi Quốc gia Trung Quốc (China National Offshore Oil Corporation - CNOOC) gần như độc quyền phát triển các mỏ dầu ngoài khơi.⁵ Các nhà thăm dò nước ngoài đã tham gia cơ bản vào các cuộc khai phá các mỏ dầu ngoài khơi của Trung Quốc trong ba năm qua, phát hiện hơn một tỷ thùng dầu ở phía đông Vịnh Bohai⁶, châu thổ sông Châu Giang ở phía nam Trung Quốc và Vịnh Bắc Bộ. Ở biển Nam Trung Hoa, những cuộc thăm dò thất bại trong thập niên 1980 và 1990 mở đường cho những phát hiện mới. Các mỏ của Phillip ở Xiajiang gần đây đạt đỉnh với 100.000 thùng/ngày, nhưng đang giảm xuống còn 80.000 thùng/ngày. Mỏ Liuhua của BP hiện đang hoạt động với 26.000 thùng/ngày trong khi mỏ Lufeng của Statoil đạt trung bình 12.000 thùng/ngày. Trong khi đó, tập đoàn CACT, bao gồm Eni của Ý, Chevron, Texaco và CNOOC đã công bố phát hiện một mỏ dầu mới ở biển Nam Trung Hoa.⁷ Sáu mỏ dầu ở đây sản xuất khoảng 140.000 thùng/ngày và bốn mỏ dầu nữa đang được phát triển. Khoảng một phần ba sản lượng ngoài khơi được bán ra nước ngoài, chủ yếu cho các nhà máy lọc dầu ở Singapore, và phần còn lại được chuyển đến các tỉnh miền nam Trung Quốc.

Tuy phát hiện thêm nhiều mỏ dầu mới nhưng không thể trông đợi sản lượng dầu mỏ sản xuất trong nước của Trung Quốc sẽ tăng trong những năm tới. Giá dầu thấp, cải cách giá cả không hiệu quả, lũ lớn ở mỏ dầu Daqing và cơ sở hạ tầng giao thông vận tải không thỏa đáng, tất cả gộp lại đã làm sản lượng dầu của Trung Quốc giảm từ 3,3 triệu thùng/ngày năm 1997 xuống 3,2 triệu thùng/ngày năm 1998. Sau đó giá dầu tăng đã kích thích sản lượng khôi phục nhẹ. Sản lượng năm nay đạt khoảng 3,21-3,31 triệu thùng/ngày.⁸

Trong khi vài phân tích vẫn dự đoán rằng sản lượng dầu của Trung Quốc sẽ tăng trở lại trong vòng 10 năm tới, có nhiều yếu tố chống lại khả năng này, bao gồm: thiếu hụt vốn trong các ngành công nghiệp chủ chốt của Trung Quốc; những chính sách tài chính hạn chế của chính quyền trung ương; thách thức cho các chính quyền địa phương và doanh nghiệp nhà nước phải hy sinh nguồn vốn khan hiếm để trang trải chi phí sa thải và việc tư hữu hóa các dịch vụ xã hội; sự thờ ơ của các nhà đầu tư đối với các vùng được đề nghị thăm dò và khả năng giá dầu tiếp tục giữ ở mức thấp trong dài hạn.⁹ Vì những lí do trên và nhiều lí do khác, sản lượng nội địa nhìn chung được cho là giữ nguyên một cách tương đối trong thập kỉ tới. Có thể thấy trong bảng 4, dự đoán sản lượng năm 2010 từ các nguồn đáng tin cậy nhìn chung trong khoảng 3,0-3,9 triệu thùng/ngày.

Bảng 4: Số lượng ước tính sản lượng dầu nội địa của Trung Quốc

(Triệu thùng/ ngày)	2000	2005	2010	2015	2020
Baker Institute	-	-	3.3	-	3.5
IEA	-	-	3.1	-	2.1
US DOE	-	3.1	3.1	3.0	3.0
APERC	3.4	3.6	3.9	-	-
SDPC	3.2	-	3.8	4.1	-
PRC State Council	3.1	-	3.3	-	3.6
SETC	3.2	3.4	-	-	-
Wood Mackenzie	-	-	3.0	-	-
East-West Center	3.3	3.5	3.7	-	-

Nguồn Số liệu về Baker Institute từ Soligo and Jaffe, 'China's Growing Energy Dependence: The Costs and Policy Implications of Supply Alternatives', working paper (Houston: Baker Institute for Public Policy, Rice University, April 1999), available online at <http://www.bakerinstitute.org>; IEA, *China's Worldwide Quest for Energy Security*, (Paris: OECD, 2000); US DOE from United States Department of Energy, 'International Energy Outlook 2001', 28 March 2001, available at http://www.eia.doe.gov/oiaf/ieo/tbld1_d5.html; APERC, 'APEC Energy Demand and Supply Outlook: Updated September 1998', (Tokyo: APERC, 1998); SDPC from Shixian Gao, 'China', in Paul B. Stares (ed.), *Rethinking Energy Security in East Asia* (Tokyo: Japan Center for International Exchange, 2000); PRC State Council, *China Energy Strategy Study (2000–2050)*, Beijing, (in Chinese), cited in IEA (above); SETC, 'Tenth Five Year Plan for Developing the Petroleum Industry' (Beijing: SETC) available at <http://www.setc.gov.cn>; WoodMackenzie Consultants, *Asia Pacific Report*, (Houston: WoodMackenzie, 1998); East-West Center from Fesharaki, 'China's Downstream Industry to 2010: Multi-Client Study', (Honolulu: Fesharaki Associates Consulting, 1997).

Chính sách năng lượng của Trung Quốc giai đoạn 1996 – 2000

Nhận thức được sự hạn chế của nguồn dầu nội địa, cũng như cái giá phải trả về kinh tế và môi trường đối với việc phụ thuộc nặng nề vào than, giới lãnh đạo Trung Quốc đã phát triển những chiến lược đa dạng nhằm bảo đảm an ninh năng lượng trong tương lai của nước này.

Thay thế bằng khí thiên nhiên

Sáng kiến chủ chốt của Trung Quốc là tập trung vào việc mở rộng nguồn khí thiên nhiên bên trong quốc gia này, với mục tiêu tăng nguồn sử dụng khí thiên nhiên từ 3% hiện tại lên 8-10% trước năm 2015. Trung Quốc có nguồn dự trữ khí phong phú tại các khu vực ở Erdos, Sichuan, Tarim Basin, Junggar và Qaidam, cũng như ở phía tây biển Nam Trung Hoa. Chính quyền trung ương gần đây đã môi giới thành công một hợp đồng hợp tác giữa Sinopec và CNOOC cùng hợp tác phát triển mỏ khí Chunxiao ở Xihu Basin, ngoài khơi Thượng Hải.

Tham vọng hơn, Bắc Kinh còn có kế hoạch xây dựng một hệ thống đường ống dài 4000 km, nối liền vùng dự trữ khí phía Bắc và phía Tây của lòng chảo Tarim, Tân Cương với Thượng Hải.¹⁰ Các công ty Exxon Mobil, cùng với CLP của Hong Kong; Royal Dutch Shell với công ty Dầu và Khí của Hong Kong; cùng với Gazprom của Nga và Stroytransgas là những nhà đầu thầu cho đường ống dẫn khí Đông – Tây Tarim – Thượng Hải trị giá 4.8 tỷ đô la, đường ống dự tính sẽ vận chuyển từ 34 đến 54 mét khối khí một ngày.¹¹

Mặc dù cả chính quyền trung ương Trung Quốc lẫn các quan chức của CNPC đều nói đến đường ống Đông – Tây này như một kế hoạch đã được triển khai, vẫn còn có nhiều khó khăn đáng kể đối với sự phát triển của dự án. Đường ống này được liệt kê như công trình trọng điểm của Kế hoạch Năm Năm lần thứ 10, 2001 – 2005. Tuy nhiên chính quyền trung ương lại đang bỏ mặc phần tài chính phát triển dự án cho các hợp tác xã nhà nước, các chính quyền địa phương, và các đối tác nước ngoài. Bên cạnh đó, cũng không tồn tại một cơ chế pháp lý nào đủ minh bạch và hiệu quả để giải quyết các tranh chấp tiềm tàng nổi lên từ việc xây dựng và hoạt động của dự án cơ sở hạ tầng năng lượng liên khu vực đầu tiên của Trung Quốc. Tuy nhiên, các nhà đầu tư tiềm năng, cả trong và ngoài nước đều đang nhìn nhận dự án đường ống này như một thí nghiệm chính sách đắt tiền. Cam kết của chính phủ đối với những công trình lớn tương tự, như Đập Tam Hiệp và hệ thống truyền tải điện miền Trung, đã được thể hiện một cách truyền thống thông qua việc thiết lập một nhóm làm việc cấp cao trong Đảng Cộng Sản Trung Quốc nhằm phối hợp giữa chính quyền trung ương, chính quyền địa phương và với các doanh nghiệp nhà nước. Tuy nhiên, công trình đường ống dẫn khí Đông – Tây lại chưa có một nhóm làm việc cấp cao nào của Đảng cầm quyền hỗ trợ, đây là một thiếu sót có thể ngăn cản sự phát triển của dự án.

Quốc tế hóa ngành công nghiệp dầu hỏa Trung Quốc

Một chiến lược khác của Bắc Kinh nhằm bảo đảm an ninh cho nguồn cung cấp dầu đó là tiến tới quốc tế hóa ngành công nghiệp dầu hỏa của Trung Quốc. Bắt đầu từ năm 1996, chính phủ Trung Quốc đã tiến hành thực hiện một kế hoạch với mục đích đạt được khoảng 1/3 nguồn năng lượng cần thiết của Trung Quốc thông qua các hoạt động thu thập và khai thác ở nước ngoài.¹² Mặc dù mức độ nhập khẩu dầu của Trung Quốc vào thời điểm đó còn thấp, một nguồn tiền mặt thặng dư bất ngờ trong ngân sách của CNPC năm 1996 đã thúc đẩy

Trung Quốc đầu tư ngay lập tức, nhằm ngăn ngừa việc ngân sách dư thừa này sẽ bị phân tán sang nhiều nơi. Thực hiện hướng dẫn của chính phủ trong việc mua lại các mỏ dầu ở nước ngoài, năm 1996 – 1997, CNPC đã nhanh chóng đầu tư vào các mỏ dầu quốc tế ở Sudan, Venezuela, Kazakhstan, và Peru, những nơi đang mở cửa cho các hoạt động thăm dò dầu và đồng thời cũng là những nơi CNPC có nhiều cơ hội có thể giành được các mỏ dầu một cách nhanh chóng. CNOOC cũng thực hiện chiến lược tương tự vào đầu năm 2002 khi mua hai mỏ dầu Widuri và Cinta của Indonesia từ Repsol-YPF với mức giá 585 triệu đô la Mỹ. Điều này đồng nghĩa với việc mỗi ngày sẽ có thêm 100,000 thùng dầu thô nhẹ được xử lý tại các nhà máy lọc dầu sẵn có ở Trung Quốc.¹³

Các hoạt động thăm dò và đầu tư dầu mỏ ở Trung Đông

Trung Quốc cũng đang tích cực tìm kiếm khả năng hợp tác về thăm dò dầu mỏ và đầu tư vào các mỏ dầu ở Trung Đông, bao gồm hai quốc gia Iran và Iraq.¹⁴ Tháng 6/1997, CNPC và tổ hợp công nghiệp vũ khí nhà nước Northern Industries Cooperation của Trung Quốc đã ký một bản ghi nhớ “hậu cấm vận”, với mục tiêu phát triển mỏ dầu al-Ahdab ở miền trung Iraq. Dự án này chỉ có thể thực sự bắt đầu sau khi lệnh cấm vận đối với Iraq được Liên Hiệp Quốc gỡ bỏ. Mỏ dầu này ước tính chứa khoảng 360 triệu thùng dầu và cần một khoảng đầu tư khai thác 1,3 tỷ đô la Mỹ. Tuy nhiên, do lệnh cấm vận của Liên Hiệp Quốc, hoạt động của các công ty dầu lửa Trung Quốc hầu như chỉ giới hạn trong việc thăm dò khu vực mỏ dầu ở al-Ahdab. Năm 1998, CNPC bắt đầu tiến hành thương lượng về mỏ dầu thứ hai, mỏ Halfayah, nhưng không đạt được thỏa thuận nào. CNPC cũng đã tìm kiếm các khả năng hợp tác với Iran nhưng cuối cùng cũng không có giao dịch nào được thực hiện.¹⁵

Bảng 5: Các dự án đầu tư về dầu mỏ của Trung Quốc giai đoạn cuối 1990

Quốc gia	Tên dự án	Năm	Giá trị đầu tư ký hợp đồng (triệu USD)	
			Tổng giá trị	Đóng góp nước ngoài
Sudan	Lô 1,2,4	1996	187.37	
	Lô 6	1997	3.02	-
	Nhà máy lọc dầu	1997	56.20	28.11
Kazakhstan	Arkbinsk	1997	91.33	-
	Uzen	1997	64.08	44.16
Venezuela		1997	82.59	-
Peru	Lô 6,7	1997	6.14	-
Iran	Al – Ahdab	1997	64.83	-
Nigeria		1997	26.09	13.04
Canada	JV	1997	1.80	-
Tổng			583.63	
Nguồn Xiaojie Xu, “China and the Middle East: Cross Investment in the Energy Sector”, Middle East Policy, vol. vii, no. 3, June 2000.				

Trung Quốc đã theo đuổi các hợp đồng “đầu tư chéo” với Ả-rập Xê-út¹⁶, theo đó, Trung Quốc sẽ để cho các công ty Ả-rập đầu tư vào công nghệ lọc dầu tại Trung Quốc, trong khi các công ty dầu lửa của Trung Quốc sẽ thực hiện các hoạt động khai thác dầu thô tại Ả-rập. Cả Riyadh và Bắc Kinh đều đạt được lợi ích của mình: Trung Quốc bảo đảm cho dầu thô của Ả-rập Xê-út một thị trường tiêu thụ đầy tiềm năng đang tăng trưởng; trong khi Ả-rập Xê-út với vị thế là nước cung cấp dầu lớn nhất thế giới, lại là nguồn cung quan trọng bảo đảm an ninh năng lượng của Trung Quốc.

Nền tảng của hợp tác Trung Quốc – Ả-rập là một hiệp định được ký vào tháng 9/1999 khi Chủ tịch Trung Quốc Giang Trạch Dân đến thăm Ả-rập Xê-út. Theo hiệp định này, Trung Quốc cam kết mở cửa ngành công nghiệp lọc dầu của mình cho Ả-rập Xê-út. Tuy nhiên đồng thời, hiệp định cũng quy định Ả-rập Xê-út sẽ mở cửa thị trường nội địa cho các đầu tư của Trung Quốc, ngoại trừ trong lĩnh vực thăm dò và khai thác dầu mỏ.¹⁷ Do thiếu hụt về tài chính, Trung Quốc rất hào hứng với khoản tài chính của Arab Saudi trong những dự án đầu tư, điều này cho phép các nhà máy lọc dầu của Trung Quốc có thể xử lý một lượng lớn dầu thô của Ả-rập. Tuy nhiên, sự có mặt của các doanh nghiệp nước ngoài vào ngành công nghiệp lọc dầu của Trung Quốc chẳng dễ dàng gì, và hầu như rất ít dự án có thể diễn ra suôn sẻ.¹⁸ Nhìn chung, chính không khí đầu tư kém thân thiện trong ngành lọc dầu của Trung Quốc đã khiến ngăn cản sự xây dựng các nhà máy trên quy mô lớn để đáp ứng nhu cầu đang tăng của chính quốc gia này.

Việc hợp tác giữa Trung Quốc và Trung Đông cũng mang một ý nghĩa chính trị nhất định. Những nhà phân tích chính sách đối ngoại Trung Quốc đã đưa ra hàng loạt bài viết về tầm quan trọng của việc Trung Quốc cần thúc đẩy đưa ra một chiến lược ở khu vực này.¹⁹ Một số học giả lập luận rằng chính ưu thế của phương Tây tại Trung Đông có thể sẽ đe dọa đến nỗ lực tiếp cận với các nguồn cung cấp dầu của Trung Quốc.²⁰ Vì thế, để hạn chế mối đe dọa này, Trung Quốc đã sử dụng vấn đề buôn bán vũ khí quân sự như một cách để thiết lập mối quan hệ khăng khít hơn với các quốc gia trong khu vực, đồng thời bù đắp cho khoản thâm hụt cán cân thanh toán do những hóa đơn mua dầu lớn gây nên.²¹ Lượng dầu nhập khẩu từ Iran của Trung Quốc đã tăng từ 20,000 thùng/ngày năm 1994 lên đến 60,000 thùng/ngày năm 2000. Cùng lúc đó, Trung Quốc cũng là nhà cung cấp ổn định các thiết bị quân sự cho Iran. Tổng trị giá các tên lửa và thiết bị kỹ thuật tiên tiến Trung Quốc bán cho Iran là 900 triệu đô la Mỹ giai đoạn 1993-1996, và 400 triệu đô la Mỹ giai đoạn 1997 – 2000. Sự sụt giảm này là do áp lực căng thẳng từ phía Mỹ đối với vấn đề buôn bán vũ khí cho Iran.²²

Một phần trong chiến lược Trung Đông của Trung Quốc là ủng hộ Iraq tại Liên Hiệp Quốc. Trong thập niên 1990, Trung Quốc đã gia nhập hàng ngũ của Nga và Pháp trong việc kêu gọi Liên Hiệp Quốc sớm dỡ bỏ các lệnh cấm vận đối với Iraq, cũng như phản đối nhiều chiến dịch quân sự nhằm vào Baghdad.²³ Quan hệ giữa Ả-rập Xê-út với Đài Loan cũng xấu đi vào năm 1990, khi nước này thiết lập quan hệ với Bắc Kinh.²⁴ Cuối cùng, Trung Quốc cũng có khả năng phải đương đầu với áp lực khi chấp nhận một mối liên hệ giữa các nguồn cung cấp dầu ở Trung Đông với việc cung cấp các trợ giúp quân sự. Bắc Kinh được coi là lựa chọn thay thế hàng đầu khi các quốc gia muốn tìm kiếm kỹ thuật vũ khí đạn đạo mà Hoa Kỳ không

sẵn sàng cung cấp. Vụ tấn công khủng bố 11/9 đã làm suy giảm sự trợ giúp quân sự của Hoa Kỳ đối với Ả-rập Xê-út, chính vì vậy nước này đang tìm đến Trung Quốc như một nguồn cung cấp khả thi nhằm đa dạng hóa kho vũ khí của mình.²⁵

Tuy nhiên nỗ lực xây dựng quan hệ với các quốc gia vùng Vịnh của Trung Quốc cũng gặp không ít rào cản. Các lệnh cấm vận quốc tế tại Iraq đã ngăn không cho Trung Quốc phát triển hợp tác ở đây, trong khi sự phức tạp về địa chất cùng những khó khăn về điều kiện kinh tế đã ngăn cản các kế hoạch đầu tư vào Iran. Ngoài ra, Ả-rập Xê-út, nơi mà việc tư nhân hóa các mỏ dầu bị coi là điều cấm kỵ, hiện chỉ dám xem các nguồn đầu tư nước ngoài như một phần của những dự án khai thác nội địa. CNPC cho biết tập đoàn này có rất ít lợi nhuận trong việc đầu tư kiểu này, bởi nó không thể nắm giữ cổ phần trong nguồn cung cấp dầu để có thể mang về Trung Quốc. Các nguồn tin của Trung Quốc cũng bày tỏ quan ngại về khả năng tìm kiếm và khai thác dầu tại khu vực theo cách mà họ thực sự mong muốn.²⁶

Các vấn đề kỹ thuật cũng là một rào cản đối với các hợp tác năng lượng của Trung Quốc tại Trung Đông. Các cơ sở lọc dầu cũ kỹ và lạc hậu của Trung Quốc chỉ được trang bị để xử lý một lượng lớn các sản phẩm dầu thô dạng sáp chất lượng cao nội địa của Trung Quốc, chứ không thể xử lý loại dầu nặng chất lượng thấp được nhập khẩu từ các nước Iraq, Iran, Ả-rập Xê-út và Kuwait. Để Trung Quốc có thể thật sự có lợi trong việc xử lý các nguồn dầu này, nước này cần đến hàng tỷ đô la đầu tư vào các cơ sở lọc dầu của mình. Mức đầu tư theo kế hoạch của 5 năm tới cũng chỉ giúp Trung Quốc xử lý không quá 1 triệu thùng dầu/ngày đối với loại dầu chất lượng thấp các quốc gia Vùng Vịnh, mặc dù cũng có khả năng Trung Quốc có thể sẽ nhập khẩu được các sản phẩm dầu thô chất lượng cao hơn của Abu Dhabi, Yemen hay Oman.²⁷

Cuối cùng, việc tăng cường nhập khẩu dầu từ các quốc gia Vùng Vịnh có thể gây ra những tổn hại chiến lược. Quân đội của Trung Quốc, mà đặc biệt là hải quân, mặc dù có ưu thế về số lượng đông đảo, nhưng rất khó có khả năng kiểm soát các tuyến đường biển ở Đông Á, và càng ít khả năng bảo vệ các tuyến đường đến khu vực dầu mỏ ở Vùng Vịnh.²⁸ Do đó, trong tương lai trước mắt, có thể khẳng định rằng Trung Quốc sẽ phải dựa vào quân đội Mỹ để bảo vệ các tuyến đường vận chuyển này, hạn chế đáng kể các lựa chọn địa chiến lược cho Trung Quốc.

Nguồn dầu ở lục địa Âu Á

Chính vì sự bất ổn định của nguồn cung cấp dầu tại Trung Đông, sự thống trị của Hoa Kỳ trên các tuyến đường biển quan trọng và các vấn đề khác đã khiến Trung Quốc quay sang tìm kiếm các nguồn cung cấp bên trong lục địa để thay thế. Một trong những lựa chọn là tăng cường khả năng của nguồn cung từ các quốc gia có biên giới tiếp giáp với Trung Quốc, tiêu biểu nhất là Nga và Kazakhstan. Những biện pháp này có thể giúp Trung Quốc bớt bị ảnh hưởng bởi sự thống trị của Mỹ trên các tuyến đường hàng hải quan trọng, cũng như các mối gắn kết với Trung Đông.²⁹

Trong chuyến thăm Nga tháng 07/2001 của lãnh đạo Trung Quốc Giang Trạch Dân, Trung Quốc và Nga đã ký một số hiệp định quan trọng về trao đổi năng lượng, trong đó có một hiệp định kêu gọi xem xét tính khả thi của một đường ống dẫn dầu 400,000 thùng/ngày

từ Đông Siberia cho đến Đông Trung Quốc. Dự án này sẽ kết nối thị trường Trung Quốc với lượng dự trữ 11 tỷ thùng dầu của hai vùng Yurubcheno và Takhomskaya hiện đang nằm dưới sự kiểm soát của hai công ty dầu hỏa của Nga là Yukos và Salvneft. Trung Quốc và Nga cũng đang thảo luận xây dựng một kết nối khí thiên nhiên giữa Irkutsk, Yakutia và thị trường Trung Quốc. Một nhóm các tập đoàn, đứng đầu là BP, cũng đang tích cực khai thác mỏ khí Kovykta Đông Siberia với dung lượng 1500 tỷ mét khối khí để xuất khẩu sang Trung Quốc.³⁰

Trung Quốc cũng đang có ý định tăng cường nguồn dầu nhập khẩu từ Kazakhstan thông qua một hệ thống vận chuyển trên mặt đất. Đây là cách vận chuyển có thể tránh được những rủi ro an ninh và sự phụ thuộc so với quãng đường vận chuyển dài bằng tàu chở dầu từ vịnh Ba Tư đến Trung Quốc đã nêu trên. Nhiều nhà nghiên cứu cũng cho rằng Trung Quốc đang xem những hoạt động của nó ở Trung Á như một cầu nối tiềm năng với Vịnh Ba Tư.³¹ Tuy nhiên, chi phí xây dựng của hệ thống ống dẫn vòng quanh lục địa Âu Á có thể sẽ còn cao hơn chi phí vận chuyển dầu từ các quốc gia Trung Đông về bằng đường biển. Điều này buộc Bắc Kinh phải suy nghĩ xem nước này sẽ sẵn sàng chi trả bao nhiêu cho mục tiêu đa dạng hóa nguồn cung cấp dầu.³² Cho đến lúc này, Hội đồng Nhà nước dường như không muốn cam kết một khoản chi lớn như vậy, và vào tháng 8/1999 cơ quan này đã yêu cầu CNPC hoãn kế hoạch xây dựng hệ thống đường ống ít nhất cho đến khi có được sự dự đoán chắc chắn hơn.³³ Lượng dầu được sản xuất từ các mỏ dầu của CNPC ở Kazakhstan có thể sẽ được tinh lọc tại các nhà máy lọc dầu trong khu vực, chẳng hạn như ở Iran với điều kiện nước này đổi lại sẽ cung cấp cho CNPC dầu thô tại Vịnh Ba Tư hoặc tại một cảng biển khác.³⁴

Đầu tư đầu tiên của Trung Quốc vào Kazakhstan là vào tháng 6 năm 1997, khi Tổng công ty Xăng dầu Quốc gia Trung Quốc (China National Petroleum Corporation), gọi tắt là CNPC, đồng ý mua lại 60% công ty dầu Aktyubinsk của Kazakhstan với mức tiền 4.3 tỷ đô la Mỹ. CNPC cũng công bố kế hoạch xây dựng 3000 km đường ống trị giá 3.5 tỷ đô la nối liền khu vực Tây Kazakhstan với khu vực Tân Cương Trung Quốc.³⁵ Trung Quốc bày tỏ mong muốn tìm được một nguồn cung cấp dầu thô lâu dài với trữ lượng đáng kể, điều này không chỉ giúp tuyến đường ống Kazakhstan – Tân Cương đạt hiệu quả kinh tế cao hơn, mà còn làm tăng tính hấp dẫn của dự án xây dựng tuyến đường ống rìa phía Đông nối Tân Cương với vùng công nghiệp trung tâm của Trung Quốc.³⁶ Tuy nhiên, với những lý do tương tự như dự án tuyến đường ống dẫn khí Đông – Tây kể trên, việc xây dựng thực tế tuyến đường ống dẫn dầu này cũng có thể vấp phải nhiều thử thách, đặc biệt khi những bất ổn về kinh tế kết hợp với những rủi ro về chính trị.

Trung Quốc hiện đang phải đối mặt với những vấn đề khu vực tương tự như những vấn đề đã khiến các liên doanh phương Tây hoãn xây dựng hệ thống ống dẫn ở Trung Á. Các xung đột sắc tộc và tình hình bất ổn ở khu vực đã gây không ít khó khăn cho việc tìm kiếm các nhà đầu tư chịu cam kết xây dựng cơ sở hạ tầng và vận chuyển nguồn năng lượng đến các thị trường tiêu thụ.³⁷ Trong trường hợp xuất khẩu năng lượng từ khu vực này sang Trung Quốc, mối đe dọa không chỉ bao gồm sự bất ổn định chính trị của các quốc gia Trung Á, mà còn có những vấn đề chính trị của chính Trung Quốc, như vấn đề những người ly khai Uighur ở Tân Cương, những người này đã không ít lần tấn công vào các cơ sở và thiết bị vận chuyển được lắp đặt.³⁸ Gần phân nửa trong tổng số 16 triệu dân của vùng này tự coi mình là người

Uighur.³⁹ Chính sách Trung Á của Trung Quốc là khuyến khích khu vực Tân Cương hòa nhập vào thị trường Trung Á mới nổi - khi mà trao đổi thương mại giữa hai bên đạt 950 triệu đô la Mỹ năm 1998 – trong khi vẫn phản đối các phong trào đòi tự trị của khu vực này, cả các phong trào mang tính thế tục lẫn tôn giáo (Hồi giáo).⁴⁰

Trong vài thập kỷ qua, Trung Quốc đã đấu tranh chống lại các hoạt động của chủ nghĩa ly khai sắc tộc và chủ nghĩa quốc gia Hồi giáo.⁴¹ Chính điều này đã khiến cho mối quan hệ giữa Trung Quốc và các quốc gia Trung Đông trở nên khó khăn hơn, đặc biệt mối quan hệ đối với Ả-rập Xê-út, vốn là nước tích cực ủng hộ các phong trào Hồi giáo trên khắp thế giới. Các thiết chế tôn giáo của Ả-rập Xê-út đã bày tỏ sự quan tâm tới lợi ích của những người Hồi giáo Trung Quốc. Các tổ chức này cũng gây sức ép lên chính phủ Ả-rập Xê-út buộc phải hỗ trợ cộng đồng Hồi giáo Trung Hoa cả về kinh tế lẫn chính trị ngoại giao. Năm 1998, cố quốc vương Sheikh Abdulaziz bin Baz của Ả-rập Xê-út đã phát biểu: “Chúng ta có nghĩa vụ đạo đức là giúp đỡ những người anh em Hồi giáo Trung Hoa.”⁴²

Ả-rập Xê-út một mặt vừa tăng tài trợ cho việc xây dựng các nhà thờ Hồi giáo ở khắp Trung Quốc, mặt khác cũng rất thận trọng trong việc ủng hộ những người Hồi giáo Tân Cương, bởi nước này cũng mong muốn duy trì quan hệ tốt đẹp với Bắc Kinh. Mamoun, nguyên Phó Ngoại trưởng phụ trách về kinh tế và văn hóa của Ả-rập Xê-út đã nhận xét: “Chúng tôi rất thận trọng trong cách đối xử đối với người Uighur. Chúng tôi có trách nhiệm về việc này với vị thế là quốc gia Hồi giáo dẫn đầu và có ảnh hưởng nhất, tuy nhiên, chúng tôi cũng không muốn chọc giận Trung Quốc.”⁴³ Thực tế, Trung Quốc luôn kiểm soát gắt gao các phong trào Hồi giáo diễn ra trong biên giới của mình. Ông Zhou Gouhai, Bộ trưởng phụ trách Tôn giáo của Trung Quốc đã tuyên bố: “Sau những gì xảy ra cho nước Mỹ (vào ngày 11/9), chúng tôi cần phải đảm bảo rằng Hồi giáo tồn tại ở Trung Quốc phải phù hợp với văn hóa và truyền thống của Trung Quốc.”⁴⁴

Chiến lược năng lượng của Trung Quốc: Những công thức mới

Ngành công nghiệp dầu hỏa của Trung Quốc phàn nàn rằng chính sự thiếu kinh nghiệm về tài chính và pháp lý của CNPC đã khiến cho công ty này khó cạnh tranh với các công ty dầu lửa quốc tế chủ chốt để giành được quyền thăm dò dầu trong các khu vực tiềm năng. Nhà phân tích chính sách đối ngoại Yishan Xia đã nhận định:

“Các công ty độc quyền phương Tây, với sự ủng hộ và trợ giúp của chính phủ, đã cạnh tranh và giành được rất nhiều thị trường cung cấp dầu và khí thiên nhiên chủ chốt trên khắp thế giới. Hầu như tất cả các nguồn cung cấp tốt trên thế giới đều đã bị sở hữu và khai thác bởi họ. Có một sự cạnh tranh gay gắt giữa các công ty phương Tây này với nhau. Và chắc chắn, tất cả các công ty này sẽ còn cạnh tranh quyết liệt hơn nữa để ngăn cản các công ty Trung Quốc tiếp cận được với các nguồn dầu mỏ.”⁴⁵

Chính vì vậy, theo các nhà hoạch định chiến lược Trung Quốc thì lời giải cho bài toán hóc búa này là tập trung mục tiêu thăm dò của Trung Quốc vào những quốc gia, nơi mà các công ty phương Tây, và nhất là các công ty của Mỹ, không dễ gì có thể can thiệp vào được. Các quốc gia đang gánh chịu cấm vận dầu mỏ đơn phương của Mỹ trở thành mục tiêu đầu tư

số một của Trung Quốc. Các quan chức của CNPC cho biết trong khi phương án đầu tiên là tập trung thúc đẩy việc mua lại và hợp tác với các công ty dầu ở 16 quốc gia, nổi bật nhất trong số đó là Nga và Kazakhstan, thì những sáng kiến mới đây lại chú trọng đến nguồn năng lượng ở Sudan, Libya và Tây Phi.⁴⁶ Việc chuyển hướng này không chỉ giúp Trung Quốc tránh được sự cạnh tranh của các công ty của Mỹ, mà còn có khả năng tìm được các nguồn cung cấp dầu có chất lượng phù hợp với các cơ sở lọc dầu của Trung Quốc khi nước này không cần tốn một khoảng tiền lớn đầu tư nâng cấp lại các nhà máy này.

Năm 1997, CNPC đã ký một hợp đồng thăm dò và sản xuất với chính phủ Sudan cho những lô ở mỏ dầu Muglad. Đến tháng 7/1999, Trung Quốc thông báo sản lượng của mỏ dầu này đã đạt 150,000 – 200,000 thùng dầu/ngày. 1,540 km đường ống dẫn dầu với khả năng vận chuyển 300,000 thùng dầu/ngày từ Heglid tới Cảng Sudan cũng đã được hoàn tất. Tại đây, CNPC cũng đã xây dựng một nhà máy lọc dầu có công suất 50,000 thùng/ngày.⁴⁷ Thông qua mạng lưới chi nhánh của mình, CNPC có đủ nhân lực và cơ sở hạ tầng phục vụ việc thăm dò và khai thác dầu trên lãnh thổ Sudan. Công ty này cũng đang lên kế hoạch mở rộng hoạt động của mình ra các vùng khác của Châu Phi, bao gồm Nigeria và Chad, thậm chí cả Niger và Equatorial Guinea.⁴⁸ CNPC cũng đang tìm kiếm các mỏ dầu ở Algeria, Tunisia, và Lybia.⁴⁹

Ở các khu vực khác, những hoạt động của Trung Quốc ở Châu Phi còn mang những ý nghĩa địa chính trị và thương mại nhất định. Với mong muốn nắm giữ vị trí lãnh đạo trong số các quốc gia đang phát triển, Trung Quốc cũng tranh thủ tìm kiếm sự ủng hộ của Châu Phi đối với vị thế của nước mình, đặc biệt trong vấn đề Đài Loan.⁵⁰ Các phái đoàn kinh tế và quân sự của Trung Quốc đến Châu Phi thường tìm cách để có được lời cam kết ủng hộ “một Trung Quốc” từ các quốc gia này.⁵¹ Trong những năm gần đây, Trung Quốc đã giành được sự công nhận ngoại giao về vấn đề này từ Ethiopia, Niger, và Nam Phi. Tuy nhiên, trên thực tế Bắc Kinh vẫn có nhiều việc phải làm: Burkina Faso, Chad, Gambia, Liberia, Malawi, Senegal và Swaziland là một trong số 26 quốc gia vẫn còn công nhận nền độc lập của Đài Loan.⁵² Quan trọng hơn hết, Trung Quốc cần phải tiếp tục khuyến khích các nước đang phát triển ở đây bằng các dự án kinh tế hoặc các hợp đồng buôn bán vũ khí quân sự, nếu không, nhiều khả năng Bắc Kinh sẽ đánh mất những gì vừa giành được bởi những gói viện trợ cho các quốc gia này của Đài Loan. Chẳng hạn như Senegal đã nhận viện trợ từ Bắc Kinh năm 1971 khi chính thức ủng hộ nước này, nhưng đến năm 1996, Senegal đã đổi lại những tuyên bố trên khi có những mối quan hệ và các gói viện trợ mới từ Đài Loan.

Trung Quốc bắt đầu mở rộng buôn bán vũ khí và hợp tác với Châu Phi tại cùng những quốc gia mà nước này theo đuổi các hợp đồng đầu tư thăm dò, khai thác và buôn bán dầu lửa. Những đại diện của Bộ Quốc Phòng Trung Quốc và thành viên cấp cao của Giải Phóng Quân đã đi lại rất nhiều lần giữa Trung Quốc và Châu Phi trong hai năm 2000, 2001 với các quốc gia viếng thăm chủ yếu như Angola, Cameroon, Cote d'Ivoire, Congo, Gabon, Ghana, Ethiopia, Namibia, Niger, Nigeria, Sudan và Zimbabwe. Phái đoàn của một số trong số các quốc gia kể trên cũng đã có nhiều chuyến thăm đến Bắc Kinh.

Tây Phi và Libya sẽ ngày càng trở thành những nhà cung cấp dầu quan trọng của thị trường dầu thế giới. Sản lượng có thể sẽ tăng từ mức 5 triệu thùng/ngày hiện tại lên đến 7 –

11 triệu thùng/ngày trước năm 2010, nhằm bù vào khoảng sản lượng dầu bị giảm sút của các mỏ dầu ở Biển Bắc của Anh.

Tuy nhiên, ngành sản xuất dầu của Châu Phi cũng sẽ bị ảnh hưởng rất nhiều bởi các vấn đề của lục địa này. Bất ổn chính trị và các xung đột vũ trang đã ngăn cản sự phát triển của ngành công nghiệp dầu mỏ cũng như việc xuất khẩu dầu của các nước Sudan, Angola, Chad và Nigeria. Việc buôn bán vũ khí của Trung Quốc có thể đã làm trầm trọng thêm các vấn đề này.

Có một điều chắc chắn là mức độ xuất khẩu vũ khí của Trung Quốc thấp hơn nhiều so với con số này của Mỹ hay Nga, cũng như Trung Quốc chỉ tập trung buôn bán các loại vũ khí nhỏ, vũ khí thông thường cho các nước đang phát triển. Trung Quốc đã đạt mức thu khoảng 970 triệu đô la Mỹ hàng năm trong giai đoạn 1993 – 2000. Tuy nhiên, bởi Trung Quốc vẫn có khả năng cung cấp các loại vũ khí kỹ thuật cao và phát triển vũ khí hủy diệt hàng loạt (và thực tế nước này đã bị cáo buộc về hành động này với Pakistan, Iran và Bắc Triều Tiên), việc xuất khẩu vũ khí của Trung Quốc đang là một vấn đề đáng được quan tâm.⁵³ Sự mở rộng hoạt động của quân đội Trung Quốc không chỉ ở Trung Đông mà còn sang Bắc và Tây Phi đã gây nên một mối lo ngại mới rằng Trung Quốc có thể sẽ xuất khẩu các thiết bị quân sự nguy hiểm sang những thị trường mới này.

Tác động đối với phương Tây

Nếu chính sách ngoại giao năng lượng của Bắc Kinh với các quốc gia sản xuất dầu chủ chốt tiếp tục gắn liền với việc tăng cường buôn bán vũ khí quân sự thì hậu quả kéo theo sẽ là sự bất ổn định đe dọa an ninh năng lượng của chính Trung Quốc. Trong bất cứ trường hợp nào, việc chuyển giao kỹ thuật nhạy cảm cho một trong số các quốc gia này sẽ gây bất lợi lớn cho quan hệ Trung – Mỹ.

Trung Quốc nên hiểu rằng vẫn có những chiến lược thay thế bảo đảm an ninh năng lượng. Các quốc gia trong tổ chức OECD rất giàu kinh nghiệm trong việc sử dụng các thể chế quốc tế và các cách tiếp cận đa phương để giảm bớt những tổn thất khi các nguồn cung cấp dầu bị gián đoạn. Các nước này thường hoạt động cùng nhau để tránh những mối liên hệ song phương giữa nguồn cung cấp năng lượng với các vấn đề chính trị không liên quan. Các nước phương Tây sẽ có lợi khi lôi kéo được Trung Quốc gia nhập vào nhóm các nước tiêu thụ dầu lớn khác để đối phó với các tình huống khi nguồn cung cấp dầu bị gián đoạn, hoặc xử sự với những nước đã gây ra tình trạng gián đoạn đó. Bắc Kinh cần thiết phải xây dựng một chiến lược dự trữ dầu hợp lý nhằm giảm bớt những tổn hại của Trung Quốc trước các biến động trong thị trường dầu thế giới. Sử dụng nguồn dự trữ này, cũng như việc hợp tác với các nước khác trong Cơ quan Năng lượng Quốc tế IEA, có thể giúp giảm bớt tình trạng cạnh tranh căng thẳng giữa các nước trong một thế giới khát dầu mỏ, đồng thời ngăn chặn khả năng một nước hoặc một nhóm các nước sản xuất dầu mỏ ngừng cung cấp nguồn năng lượng này vì mục tiêu chính trị. Các quy định của WTO về thương mại quốc tế cũng là một công cụ hiệu quả ngăn chặn các thỏa thuận chính trị tiêu cực giữa nước sản xuất và nước tiêu thụ dầu.

Một kho dự trữ dầu chiến lược cũng sẽ có lợi cho các quốc gia tiêu thụ dầu bằng cách xóa bỏ vấn đề “ăn theo” (free-riding) của Trung Quốc khi các nước khác sử dụng kho dự trữ dầu của mình. Nếu các quốc gia tiêu thụ dầu lớn của Châu Á như Trung Quốc và Ấn Độ đồng ý xây dựng kho dự trữ dầu và giúp phát triển các biện pháp xử lý tình huống khẩn cấp thông qua hợp tác với IEA thì điều này sẽ giúp tăng khối lượng dầu dự trữ có thể sử dụng được trong giai đoạn nguồn cung bị hạn chế mà không đẩy toàn bộ gánh nặng sang cho IEA. Điều này cũng giúp việc phân phối dầu trong giai đoạn khan hiếm trở nên hiệu quả hơn và đồng đều hơn trên khắp toàn cầu, từ đó hạn chế bớt hậu quả của những trục trặc từ nguồn cung cũng như những biến động bất thường của giá dầu thế giới.

Những sáng kiến hợp tác năng lượng khác cũng cần được tiến hành. Việc nghiên cứu và phát triển các nguồn năng lượng thay thế đóng vai trò quan trọng, bởi nó không chỉ giúp giảm bớt nhu cầu ngày càng tăng của Trung Quốc vào nguồn dầu nhập khẩu, mà còn giúp đem lại những hiệu quả tốt cho môi trường. Hiện tại Trung Quốc đang hợp tác với Nhật Bản trong nghiên cứu sử dụng than sạch. Những sáng kiến cũng có thể giúp Trung Quốc chuyển từ sử dụng xe hơi chạy xăng sang sử dụng phương tiện giao thông chạy bằng các nguồn nhiên liệu khác như propane, khí thiên nhiên, pin hoặc các nguồn năng lượng mới. Thay đổi này vừa giúp Trung Quốc giảm bớt nhu cầu năng lượng của mình, vừa giúp giảm bớt lượng carbon và khí thải ô nhiễm trong không khí.

Cuối cùng, bất chấp những khác biệt về chính trị, Bắc và Nam Mỹ vẫn sử dụng chung mạng lưới điện và khí đốt thiên nhiên một cách hiệu quả, góp phần cải thiện nguồn cung cấp và hạ chi phí rẻ hơn. Những mạng lưới chung như vậy cũng đã được xây dựng ở Châu Á, bao gồm mạng lưới khí đốt nối liền các quốc gia trong Hiệp hội Các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). Khai thác nguồn năng lượng vùng Viễn Đông của Nga có thể giúp phát triển một mạng lưới chung tương tự cho khu vực Đông Bắc Á.

Các nhà phân tích chính sách ở Bắc Kinh, cũng như các nhà phân tích chính sách phương Tây thường có khuynh hướng khắc phục khó khăn về địa chính trị dầu mỏ bằng cách cạnh tranh trong môi trường nguồn cung khan hiếm. Nhưng thực tế, trong những thập kỷ tới, thị trường năng lượng cũng có thể rơi vào tình trạng dư thừa sản phẩm, cung vượt quá cầu chứ không chỉ khan hiếm nguồn cung cấp. Điều này phụ thuộc vào việc các nước tiêu thụ dầu chủ chốt xây dựng một chương trình hợp tác chung như thế nào. Những hợp tác chung đó có thể ít nhiều giúp cân bằng viễn cảnh bất ổn định khi nhu cầu dầu mỏ của Bắc Kinh tăng cao. Phương Tây nên chủ động sử dụng các kỹ thuật và việc hợp tác chính trị để bảo đảm một nguồn cung cấp năng lượng dồi dào, ổn định với mức giá phải chăng vì sự thịnh vượng chung của nền kinh tế toàn cầu.

CHÚ THÍCH

1. ‘Asian Demand Flat, and May Get Worse’, *Petroleum Intelligence Weekly*, 30 July 2001, p. 2.
2. Những số liệu được cung cấp bởi Asia Pacific Consulting; để xem số liệu từ năm 2010 trở đi của sản lượng quốc gia và lượng sử dụng của bốn tỉnh miền nam xem

- Sinopec, *Zhongguo shiyou shichang xianzhuang ji xiangguan zhengce (The Current Situation in China's Oil Market and Related Policies)* (Beijing: Sinopec Information Center, 1999); để xem hết các thăm dò dầu mỏ, khí thiên nhiên và các sản phẩm từ dầu ở thị trường Trung Quốc năm 2000 xem China National Petroleum Corporation (CNPC), *2000 nian zhongguo shiyou shichang fenxi baogao (In-Depth Analysis of China's Oil Market in 2000)* (Beijing: CNPC Information Research Center, 2001).
3. Ronald Soligo and Amy Jaffe, 'China's Growing Energy Dependence: The Costs and Policy Implications of Supply Alternatives', working paper (Houston: Baker Institute for Public Policy, Rice University, April 1999), available online at <http://www.bakerinstitute.org/>
 4. Như trên.
 5. Following a 1998 restructuring, CNPC, previously largely an upstream oil and gas enterprise, and Sinopec, previously a refining and distribution enterprise, swapped upstream and downstream assets such that CNPC enjoys almost exclusive exploration and production rights in the north-east, north and north-west, and Sinopec enjoys almost-exclusive distribution rights in the central, south and south-east. Through subsidiary enterprises such as Sinopec's China Star Petroleum Exploration Corporation, and various oilfield administrations and refineries, CNPC, Sinopec and CNOOC have footholds in the 'exclusive rights' territories of each other. Since 1998 all three have undergone semiprivatisation through the establishment of subsidiaries selling shares in Hong Kong, New York and Shanghai capital markets (CNPC's subsidiary is PetroChina). For a discussion of the restructuring see Steven W. Lewis, 'Privatizing China's State-Owned Oil Companies', working paper (Houston: Baker Institute for Public Policy, Rice University, April 1999), available online at <http://www.bakerinstitute.org>
 6. Hai công ty Phillips Petroleum và CNOOC đang hợp tác khai thác mỏ dầu Penglai 19-3. Trữ lượng của mỏ dầu này ước tính vào khoảng 500–800 triệu thùng dầu. Trước tháng 8/2002, sản lượng được khai thác vào khoảng 35,000 đến 40,000 thùng/ngày, sau tăng lên đến 65,000 thùng/ngày trước năm 2005. CNOOC tuyên bố dự định tăng sản lượng dầu thô ở biển Bohai lên 360.000 thùng/ngày vào năm 2005. CNOOC cũng dự kiến tăng sản lượng tại mỏ Suizhong 36-1 công ty này sở hữu ngoài khơi Đông Bắc Trung Quốc, lên 69,000 thùng/ngày vào năm tới. Hiện nay mỏ này mới chỉ sản xuất ở mức tối thiểu. Mỏ Zhao Dong của Apache sẽ sản xuất 25.000 thùng/ngày vào cuối năm 2003. Kerr McGee và CNOOC cũng có một phát hiện mới ở Caofeidian.
 7. *Petroleum Argus Newsletter*, 18 June 2001, p. 10.
 8. Energy Intelligence Group database, subscription service, www.energyintel.com
 9. CNPC, Sinopec và CNOOC thuê hơn 2 triệu lao động, phần lớn trong số này sẽ mất việc làm vì những kế hoạch thu hẹp quy mô hiện nay. Tái cơ cấu, nhất là đẩy mạnh tư hữu hóa, có vẻ diễn ra rất chậm, tuy nhiên, do chính quyền địa phương và người lao động có lợi ích lớn trong việc cùng nhau phân phối các kế hoạch của chính quyền trung ương và trụ sở công ty ở Bắc Kinh: Trung Quốc không có trợ cấp thất nghiệp quốc gia; hệ thống chăm sóc sức khỏe hay chế độ lương hưu, và do đó chi phí cho thiết lập

các quỹ phúc lợi xã hội cho lao động trong lĩnh vực năng lượng do chính quyền địa phương trang trải.

10. Dự án làm tăng sản lượng khí thiên nhiên năm 1997 với việc hoàn thành 864km đường ống từ Erdos đến Bắc Kinh, hiện truyền tải 1bn m³ (bcm) khí thiên nhiên về thủ đô. Công suất của đường ống sau này được dự đoán tăng lên 3 bcm.
11. BP gần đây tuyên bố họ đang rút khỏi đấu giá dự án cần nhiều tỷ đô để đầu tư cơ sở hạ tầng trang thiết bị sử dụng khí thiên nhiên ở Bắc Kinh. BP đã cam kết xây dựng một cổng nhập khẩu LNG ở miền nam Trung Quốc.
12. 'China's CNPC Leaps on to Global Oil Production Stage', *Petroleum Intelligence Weekly*, 9 June 1997, p. 3.
13. Erica Strecker Downs, 'China's Quest for Energy Security', (Santa Monica, CA: RAND, 2000), p. 14; 'Chinese Energy Majors in Long March Upstream', *Petroleum Intelligence Weekly*, 28 January 2002, p. 3
14. Để xem mô tả chi tiết chiến lược đầu tư chéo của Trung Quốc ở Trung Đông xem Xu, 'China and the Middle East: Cross Investment in the Energy Sector', *Middle East Policy*, vol. vii, no. 3, June 2000.
15. *Như trên.*
16. *Như trên.*
17. Cuối năm 2001, Saudi Aramco, một doanh nghiệp dầu mỏ nhà nước của Saudi, ExxonMobil và Fujian Petrochemical Company đã kí một thỏa thuận hợp tác nghiên cứu tính khả thi của việc nâng cấp nhà máy lọc dầu Fujian lên công suất 250.000 thùng/ngày. Ả Rập Saudi cũng đang dự kiến xây dựng một nhà máy lọc dầu công suất 100.000 thùng/ngày ở tỉnh Shandong và đang thương lượng với Sinopec triển khai nhà máy lọc dầu ở Maoming.
18. Tổng SA của Pháp chiếm 20% trong vốn góp của Công ty Hóa Dầu Tây Thái Bình Dương (WEPEC) cho việc đầu tư vào nhà máy lọc dầu ở Dalian. Exxon, ARCO và Caltex cũng theo đuổi những dự án kinh doanh công nghệ lọc dầu ở Trung Quốc. BP hiện nắm giữ hơn 20% trong nhà máy lọc dầu Zhenhai.
19. Xem Xiaojie Xu, 'China and the Middle East: Cross Investment in the Energy Sector'; also Qiang Wu and Xuemei Xian, 'China's Energy Cooperation with the Middle East', *Strategy and Management*, no. 2, 1999, p. 51 (in Chinese), and others cited in Downs, 'China's Quest for Energy Security'.
20. Wu and Xian, 'China's Energy Cooperation with the Middle East'.
21. John Calabrese, 'China and the Persian Gulf: Energy and Security', *Middle East Journal*, vol. 52, no. 3, Summer 1998, pp. 351–366; and Sergei Trough, 'China's Changing Oil Strategy and Its Foreign Policy Implications', working paper (Washington DC: Center for Northeast Asian Policy Studies, Brookings Institution, Fall 1999) available at <http://www.brook.edu/neasia/paprs/1999%5Ftroush.htm>
22. Xem dữ liệu và bàn luận trong Richard F. Grimmett, 'Conventional Arms Transfers to Developing Nations, 1993 to 2000', (Washington DC: Congressional Research Service, 16 August 2001), p. 58, available on the website of the Federation of American Scientists at <http://www.fas.org/asmp/resources/govern/crs2000.pdf>.

23. Calabrese, 'China and the Persian Gulf: Energy and Security'.
24. *Như trên.*
25. Phòng vấn với các nhà phân tích công nghiệp dầu mỏ Saudi tháng 12 năm 2001.
26. Phòng vấn công chức CNPC năm 2001.
27. Xem bảng cung cấp bởi Asia Pacific Consulting in Soligo and Jaffe, 'China's Growing Energy Dependence: The Costs and Policy Implications of Supply Alternatives'.
28. Evan Feigenbaum. 'China's Military Posture and the New Economic Geopolitics', *Survival*, vol. 41, no. 2, Summer 1999, pp. 71–88.
29. James Hsiung, 'China's Omni- Directional Diplomacy', *Asian Survey*, vol. 35, no. 6, June 1995, pp. 573–586.
30. 'Russia to China Race', *World Gas Intelligence*, 22 August 2001, vol. XII no. 24, p. 1; and 'Russia Reaches for Chinese Oil and Gas Outlets', *Petroleum Intelligence Weekly*, 23 July 2001, p. 4.
31. Xiaojie Xu, 'The Oil and Gas Links between Central Asia and China: A Geopolitical Perspective', *OPEC Review*, March 1999.
32. Để xem những phân tích chi tiết về chi phí bao gồm, xem Soligo and Jaffe, 'China's Growing Energy Dependence: The Costs and Policy Implications of Supply Alternatives'.
33. 'CNPC Shelves China-Kazakhstan Oil Pipeline', *Oil and Gas Journal*, 30 August 1999, p. 44; and Quan Lan, 'Transnational oil pipeline shelved', *China Oil, Gas and Petrochemicals*, vol. 7, no. 16, 15 August 1999, p. 2.
34. Downs, 'China's Quest for Energy Security', p. 28.
35. Tony Walker and Robert Corzine, 'China Buys \$4.3bn Kazak Oil Stake', *Financial Times*, 5 June 1997, p.9.
36. Amy Myers Jaffe and Martha Brill Olcott, 'The Geopolitics of Caspian Energy', in Yelena Kalyuzhnova and Dov Lynch (eds), *The Euro-Asian World: A period of Transition*, (London: Macmillan Press, 2000).
37. Rajan Menon, 'Traacherous Terrain: The Political and Security Dimensions of Energy Development in the Caspian Sea Zone', *Analysis, the National Bureau of Asian Research*, vol.9, no. 1, 1998, p. 10.
38. 'Central Asia: China's Strike', *The Economist*, 16 August 1997, p.32.
39. Justin Jon Rudelson, *Oasis Identities: Uighur Nationalism Along China's Silk Road* (New York: Columbia University Press, 1998).
40. Dru Gladney, 'China's Interest in Central Asia', in Robert Ebel and Rajan Menon (eds), *Energy and Conflict in Central Asia and the Caucasus* (Oxford, UK: Roman & Littlefield Publishers, 2000).
41. Không có thông tin mang tính hệ thống nhưng có thể xem những báo cáo gần đây của các nhà quan sát, như Norman Webster, 'Simmering Discontent: Beijing Continues to Repress any Sign of Islamic Nationalism in Its West', *The Gazette* (Montreal), p. B7, 13 October 2001, and Vivien Pik-Kwan Chan, 'Mosque Leaders' 'Re-Education'

- Campaign Stepped Up’, *South China Morning Post, Business Post* supplement, 14 November 2001.
42. Báo cáo từ một bài giảng ở Riyadh tháng 9 năm 2001, như được xuất bản trong ‘The Sino-Saudi Energy Rapprochement: Implications for US National Security’, Nawaf Obaid, Amy Jaffe, Edward Morse, Chad Garcia and Kirk Bromley, US Department of Defense, Office of Net Assessment, Office of the Secretary of Defense, forthcoming, February 2002.
 43. Phỏng vấn, Riyadh, 15 July 1998, *như trên*.
 44. Phỏng vấn ở Bắc Kinh với BBC World Service, phát sóng ngày 29/12/2001.
 45. Yishan Xia, ‘*Woguo nengyuan xingshi ji zhanlue zhi wo jian*’ (‘My View on China’s Energy Situation and Energy Strategy’), *Renmin Ribao (People’s Daily)*, 10 August 2001, p. 7. (English translation from FBIS-CHI-2001-0810).
 46. Kế hoạch phát triển tham vọng năm 1997 của CNPC bao gồm Argentina, Canada, Colombia, Ecuador, Egypt, Indonesia, Kazakhstan, Kuwait, Mexico, Pakistan, Peru, Russia, Sudan, Thailand, United States and Venezuela; see ‘China Wins Sudan Oilfield Project Bid’, *Xinhua* in English, 31 January 1997, in FBIS-CHI-97-022; information on revised plans from interviews with CNPC officials in 2001.
 47. ‘CPECC Completes Oilfield Project in Sudan’, *Xinhua* in English, 24 July 1999, in FBIS-CHI-1999-0724.
 48. GWDC marketing brochure, 1998, cited in Xu, ‘The Oil and Gas Links between Central Asia and China: A Geopolitical Perspective’.
 49. Phỏng vấn công chức CNPC năm 2001.
 50. Để xem những tranh luận về sự chấp thuận miễn cưỡng của Liên Hiệp Quốc và các tổ chức quốc tế khác như các diễn đàn đối với Trung Quốc cho việc nước này theo đuổi các chương trình chính trị và kinh tế trong chính sách đối ngoại của mình, xem Robert Boardman, *Post-Socialist World Orders* (New York: St. Martin’s Press, 1994); để xem sự thay đổi thái độ của Trung Quốc đối với Liên Hiệp Quốc trong thời kỳ Chiến tranh Vùng Vịnh xem Yitzhak Shichor, ‘China and the Role of the United Nations in the Middle East’, *Asian Survey*, vol. 31, no. 3, 1991, pp. 255–269.
 51. Để xem các bài viết về việc Trung Quốc đã viện trợ phát triển cho các chính phủ ở Châu Phi để giành được sự công nhận chính trị chính thức như thế nào, xem Deborah Brautigam, *Chinese Aid and African Development* (New York: St. Martin’s Press, 1998).
 52. Để xem thêm về sự thay đổi quan điểm ở Châu Phi xem Richard J. Payne and Cassandra R. Veney, ‘China’s Post-Cold War African Policy’, *Asian Survey*, vol. 38, no. 9, 1998, pp. 867–879.
 53. Xem dữ liệu và tranh luận trong Richard F. Grimmett, ‘Conventional Arms Transfers to Developing Nations, 1993 to 2000’; for a discussion of the changing goals of China’s arms sales and a list of sales to individual countries see Daniel L. Byman and Roger Cliff, ‘China’s Arms Sales: Motivations and Implications’ (Santa Monica, CA: RAND, 1999).

GIỚI THIỆU DỰ ÁN NGHIENCUUQUOCTE.NET

Mục đích

Nghiencuuquocte.net là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

Lý do ra đời

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quảng đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Dự án ưu tiên biên dịch và xuất bản những công trình có ảnh hưởng lớn trong lĩnh vực nghiên cứu quốc tế nói chung. Bên cạnh đó, dự án cũng coi trọng các công trình nghiên cứu liên quan trực tiếp hoặc có ảnh hưởng gián tiếp đến Việt Nam.

Sau khi dự án hoạt động ổn định, số lượng các bài dịch có chất lượng tăng lên, *Nghiencuuquocte.net* có thể tính tới việc hợp tác với các đối tác để biên soạn các tuyển tập bài dịch theo từng chủ đề nhất định và phát hành dưới dạng sách in hoặc ebook.

Quy trình biên dịch và xuất bản

Ban biên tập chịu trách nhiệm tuyển lựa (và xin phép các nhà xuất bản để biên dịch nếu cần) các bài viết để giới thiệu lên website tại địa chỉ: <http://nghiencuuquocte.net/bai-can-dich-2/>.

Các cộng tác viên tìm hiểu về các bài viết (chủ yếu dựa trên tóm tắt/abstract của bài viết) và lựa chọn các bài viết mà mình muốn biên dịch, sau đó email cho Ban Biên tập (nghiencuuquocte@gmail.com) để đăng ký.

Các cộng tác viên cũng có thể chủ động đề xuất lên Ban Biên tập các bài viết ngoài danh sách trên mà mình muốn biên dịch. Sau khi có sự đồng ý của Ban Biên tập, cộng tác viên sẽ tiến hành biên dịch.

Theo đó, các cộng tác viên nếu đã dịch sẵn một bài viết/ chương sách nào đó cũng có thể gửi đến Ban Biên tập (kèm bản gốc tiếng Anh) để xem xét. Nếu đề tài phù hợp và chất lượng đạt yêu cầu, bài viết có thể được hiệu đính và xuất bản.

Sau khi nhận được bản dịch, Ban Biên tập sẽ kiểm tra bước đầu chất lượng bài dịch. Nếu chất lượng không đạt (ví dụ sai quá nhiều, khó có thể hiệu đính, biên tập được một cách hiệu quả) thì bài dịch sẽ bị từ chối và trả lại người dịch. Trong trường hợp chất lượng thỏa đáng, bài dịch sẽ được chuyển tới các cộng tác viên phù hợp để kiểm định và hiệu đính. Sau khi hiệu đính, tổng biên tập sẽ kiểm tra lại lần cuối. Nếu đạt yêu cầu, bài dịch sẽ được xuất bản trên website dự án.

Tổng Biên tập là người quyết định cuối cùng về việc lựa chọn bài dịch, người dịch, người hiệu đính, cũng như việc chuyển hiệu đính và xuất bản các bài viết.

Xuất bản các bài dịch đã được công bố

Ban biên tập hoan nghênh các cộng tác viên đóng góp các bài dịch đã được hiệu đính và xuất bản ở các nơi khác. Trong trường hợp đó, các cộng tác viên đảm bảo việc công bố các bài dịch đó trên *Nghiencuuquocte.net* đã được cho phép bởi các bên liên quan.

Yêu cầu đối với bản dịch

Để được xem xét xuất bản, bản dịch phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Dịch sát và đầy đủ bài viết nguyên gốc. Trong trường hợp vì lý do đặc biệt mà cộng tác viên muốn bỏ một phần nào đó của bài viết gốc thì phải thông báo và được sự đồng ý của Ban Biên tập.
- Ngôn ngữ tiếng Việt trong sáng, dễ hiểu. Hạn chế tối đa lỗi chính tả.
- Trong trường hợp có các thuật ngữ, đoạn văn người dịch cảm thấy khó hiểu hoặc dịch chưa chuẩn, người dịch cần đánh dấu (highlight) các thuật ngữ, đoạn văn đó để tiện cho việc hiệu đính biên tập.

- Giữ toàn bộ nguồn tài liệu tham khảo như trong bản gốc (footnote, endnote, bibliography). Các footnote, endnote có chứa thông tin bổ sung cần được dịch. Tuy nhiên, để tiện cho việc truy nguồn tài liệu tham khảo của người đọc, người dịch giữ nguyên tiếng Anh (không dịch sang tiếng Việt) các nguồn tài liệu tham khảo của bài viết gốc.
- Bài dịch phải được đánh máy bằng font chữ Unicode, cỡ 12 pt, cách dòng 1,5, file MSWord 2003, 2007, 2010 (không gửi bản pdf).
- Tên file: Tên người dịch + Tên bài viết gốc bằng tiếng Anh.
- Bài dịch sau khi hoàn thành gửi về địa chỉ: nghiencuuquocte@gmail.com.

Thời hạn hoàn thành bản dịch

Vì đây là một dự án dựa trên sự đóng góp tự nguyện, Ban Biên tập không yêu cầu thời hạn cụ thể đối với việc hoàn thành các bản dịch. Tuy nhiên, Ban Biên tập hi vọng sẽ nhận được bản dịch trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày bản gốc được gửi cho người dịch. Thông thường các bản bài gốc tiếng Anh sẽ có độ dài từ 20-35 trang (bao gồm endnote, footnote, bibliography).

Cộng tác với *Ngheencuuquocte.net*

Do đây là một dự án phi lợi nhuận mới ở giai đoạn đầu và chưa có tài trợ nên chúng tôi kêu gọi sự tham gia tình nguyện của các cộng tác viên ở cả hai công đoạn biên dịch và hiệu đính. Nếu bạn quan tâm và muốn trở thành cộng tác viên của dự án, vui lòng điền vào mẫu đơn đăng ký tại: <http://ngheencuuquocte.net/dang-ky-cong-tac/>

Các cộng tác viên đăng ký, tùy vào quyết định của Ban Biên tập, có thể sẽ được đưa vào danh sách cộng tác viên luôn hoặc sẽ được gửi một đoạn trích từ một bài báo/chương sách (khoảng 1-2 trang) để dịch thử. Nếu đạt yêu cầu, chúng tôi sẽ đưa các bạn vào danh sách cộng tác viên và sẽ gửi bài cho các bạn biên dịch/ hiệu đính khi có bài phù hợp với chuyên môn của bạn hoặc theo đăng ký chủ động của bạn.

Lợi ích của việc trở thành cộng tác viên của *Ngheencuuquocte.net*:

- Rèn luyện và nâng cao khả năng tiếng Anh, nhất là kỹ năng dịch thuật;
- Mở rộng hiểu biết về các lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng học tập và nghiên cứu quốc tế tại Việt Nam;
- Được cấp giấy chứng nhận cộng tác viên (có thể đưa vào hồ sơ xin học bổng, xin việc làm) nếu đóng góp từ 2 bài dịch trở lên.
- Được nhận thù lao trong trường hợp dự án xin được tài trợ hoạt động hoặc bài dịch được sử dụng trong các ấn phẩm phát hành có thu phí.

Bản quyền bài dịch

Bản quyền đối với bản dịch được xuất bản cùng được chia sẻ bởi người dịch, người hiệu đính (nếu phải hiệu đính) và trang *Ngheencuuquocte.net*. Trong trường hợp bản dịch phát sinh doanh thu (ví dụ được đưa vào các giáo trình, tập bài đọc, hoặc các ấn phẩm khác được phát hành có thu phí như sách in hoặc ebook), thì sau khi trừ các chi phí biên soạn, in ấn, phát hành, lợi nhuận thu được sẽ được chia theo tỉ lệ: Người dịch: 40% (hoặc 75% nếu không phải hiệu đính); Người hiệu đính: 35%, trang *Ngheencuuquocte.net*: 25%.

Trang *Ngheencuuquocte.net* chịu mọi phí tổn trong trường hợp phải trả phí cho nhà xuất bản để bài viết được phép dịch sang tiếng Việt.

Đăng tải, phát hành lại bản dịch từ *ngheencuuquocte.net*

Việc đăng tải lại trên cách trang mạng các bài dịch đã công bố trên website dự án phải ghi rõ nguồn và dẫn link tới bài viết gốc trên *ngheencuuquocte.net*.

Trong trường hợp in ấn hoặc sử dụng các bài viết cho mục đích thương mại, các bên liên quan phải nhận được sự cho phép bằng văn bản của Ban Biên tập *ngheencuuquocte.net*.

Dù nỗ lực tối đa trong nguồn lực cho phép để đảm bảo chất lượng của các bài dịch, *ngheencuuquocte.net* không chịu trách nhiệm về độ tin cậy, chính xác của các bài dịch cũng như những hậu quả có thể phát sinh từ việc trích dẫn, sử dụng lại nội dung của các bài dịch đó dưới bất kỳ hình thức nào.

Miễn trừ trách nhiệm

Trong khi trân trọng sự đóng góp của các cộng tác viên, *Ngheencuuquocte.net* và Ban Biên tập không thể chịu bất cứ trách nhiệm nào đối với các tổn thất, thiệt hại về vật chất, tinh thần, thời gian, sức khỏe... có thể xảy ra đối với các cộng tác viên trong quá trình tiến hành cộng tác với dự án.

Liên lạc

Mọi trao đổi xin vui lòng gửi tới: Lê Hồng Hiệp, Email: ngheencuuquocte@gmail.com.